

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 337/2019/HSPT
Ngày 20 - 11 - 2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình

2. Ông Trần Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 350/2019/TLPT-HS ngày 28/10/2019 đối với bị cáo Bùi Tấn Đ về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Tấn Đ**, sinh năm 1970 tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên kế toán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Bùi Tấn B và bà Trần Thị X; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Lan A và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008; bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 09/9/2019 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy B ban hành quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Lê Văn M, sinh năm 1967; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Lê Hoàng L, sinh năm 1955; trú tại: Thôn X2, xã T1, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 4 năm 2016 Bùi Tấn Đ đến nhà ông Lê Hoàng L, trú tại thôn X2, xã T1, huyện B chơi. Tại nhà ông L, Đ đã gặp ông Lê Văn M, trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (là em họ của ông L), qua nói chuyện Đ biết được ông M đang có nhu cầu xin việc cho con gái Lê Thị Hoài X1 vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện B. Mặc dù, Đ không có khả năng để xin việc, không quen biết người và cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng, nhưng Đ vẫn nói cho ông M biết rằng Đ quen biết với Trưởng phòng tổ chức cán bộ và Phó giám đốc Sở y tế tỉnh Đắk Lắk nên có khả năng xin việc cho con gái ông M vào làm tại Bệnh viện đa khoa huyện B. Đ nói với ông M để xin được việc thì ông M phải đưa cho Đ số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đưa trước 40.000.000 đồng, khi nào con gái ông M đi làm thì đưa tiếp số tiền 60.000.000 đồng còn lại. Sau khi thống nhất thỏa thuận, trong tháng 4/2016 ông M đã đưa cho Đ số tiền 40.000.000 đồng tại nhà ông L và 01 bộ hồ sơ xin việc. Sau khi nhận tiền và hồ sơ thì Đ đã dùng số tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, còn hồ sơ thì cất tại nhà. Bản thân Đ không hề có bất cứ động thái nào để xin việc làm cho con gái ông M.

Đến tháng 8/2016 do cần tiền trả nợ, ông Đ đã yêu cầu ông M đưa số tiền 60.000.000 đồng còn lại như đã giao kết ban đầu, đồng thời Đ hứa hẹn với ông M là đến cuối tháng 8/2016 con gái ông M sẽ được đi làm. Cũng trong tháng 8/2016 Đ biết được thông tin có tổ chức thi tuyển nên Đ yêu cầu ông M làm một bộ hồ sơ thi tuyển Viên chức cho con gái, sau đó hướng dẫn nộp hồ sơ tại Sở y tế tỉnh Đắk Lắk, Đ không có tác động gì trong vấn đề này. Đến tháng 10/2016 kết quả thi tuyển thể hiện Lê Thị Hoài X1 con gái ông M không trúng tuyển nên ông M đã đến tìm Đ để đòi lại số tiền 100.000.000 đồng, ông M đã đòi nhiều lần nhưng Đ không trả. Ngày 31/01/2019 ông Lê Văn M làm đơn tố cáo hành vi của Bùi Tấn Đ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tấn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/10/2019, bị cáo Bùi Tấn Đ kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét vai trò của ông Lê Hoàng L là người liên đới trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Tấn Đ khai nhận: Bị cáo không có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của ông Lê Văn M; bởi lẽ việc giao tiền giữa bị cáo và ông M đều có người chứng kiến là ông Lê Hoàng L; số tiền 100.000.000 đồng của ông M là khoản tiền chi cho bị cáo để đi lại, giao lưu, bồi dưỡng. Mặt khác, trước khi bị cáo gặp ông M thì ông L có gặp và nhờ bị cáo xin việc cho cháu ông (tức là con của ông M), bị cáo có liên hệ với ông Lê Minh T – Trưởng phòng tổ chức Sở y tế Đắk Lắk để nhờ giúp và được ông T đồng ý nên bị cáo mới gặp ông M tại nhà ông L. Tuy nhiên, sau đó không thể xin được việc nên bị cáo có thông báo lại cho ông L và ông M, do hoàn cảnh đang khó khăn chưa trả được tiền nên bị cáo có viết giấy cam kết cho ông M, như vậy việc bị cáo nhận tiền của ông M là giao dịch dân sự; do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tính chất vụ án.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là thỏa đáng, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo cung cấp tình tiết mẹ bị cáo là bà Trần Thị X là người có công với Cách Mạng, tuy nhiên đây là tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo và cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Xét lời khai của bị cáo Bùi Tấn Đ tại phiên tòa phúc thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo xác định trước khi bị cáo nhận tiền của bị hại thì bị cáo đã liên hệ với ông Lê Minh T – Nguyên Trưởng phòng tổ chức Sở y tế Đắk Lắk để nhờ giúp xin việc, nhưng do không xin được việc và vì gia đình đang khó khăn nên bị cáo đã sử dụng số tiền

100.000.000 đồng của ông M. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra bị cáo xác định vì biết được ông M đang có nhu cầu xin việc cho con gái ông là chị Lê Thị Hoài X1 nên bị cáo đã chủ động gợi ý để xin việc giúp, bị cáo đưa ra thông tin là bị cáo có quen biết với ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 – Phó giám đốc Sở y tế Đắk Lắk (BL 53-54) nhưng tại Biên bản ghi lời khai của ông T (BL 47) xác định không có quan hệ quen biết với bị cáo và chưa gặp bị cáo lần nào; như vậy, thông tin của bị cáo đưa ra là gian dối nhằm mục đích làm ông M tin tưởng. Mặt khác, sau khi nhận được số tiền 40.000.000 đồng vào tháng 4/2016 và 60.000.000 đồng vào tháng 8/2016 của ông M thì bị cáo không sử dụng vào mục đích xin việc mà bị cáo đi trả nợ (BL30, 31, 32). Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở xem xét.

Căn cứ vào lời khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không có khả năng xin việc nhưng vào khoảng tháng 4/2016, tháng 8/2016 bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản của ông Lê Văn M với số tiền là 100.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Tấn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét vai trò của ông Lê Hoàng L là người liên đới trong vụ án, xét thấy: Việc giao nhận tiền giữa ông Lê Văn M với bị cáo là có sự chứng kiến của ông Lê Hoàng L tuy nhiên người đưa ra thông tin gian dối và nhận tiền, sử dụng trực tiếp số tiền chiếm đoạt được là bị cáo; đây là hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, cần xác định ông Lê Hoàng L với tư cách là người làm chứng là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có lợi cho bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo cung cấp tình tiết: Mẹ của bị cáo là bà Trần Thị X là người có công với cách mạng, nhưng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Tấn Đ - Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 25/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn Đ 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo Bùi Tấn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung